

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**TRUNG TÂM THÔNG TIN TƯ LIỆU**  
**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**  
**Số tài 08-78-073**

**CƠ QUẢN CHỈ TRỊ TIẾP NHẬN THÔNG**  
**QUẢN CÁC TỔ CHỨC KINH DOANH VẬT TƯ**

**CƠ QUẢN CHỈ TRỊ: Viện Khoa học kỹ thuật và kinh tế vật tư**  
**Chỉ nhiệm Chương trình: Kỹ sư Viện trưởng Phùng Văn Kiên**  
**Chỉ nhiệm đề tài: Kỹ sư Vũ Đình Hoàn**

**Hà Nội, ngày 25**  
**tháng 5 năm 1990**

**Hà Nội, ngày**  
**tháng năm 1990**

**Hà Nội, ngày**  
**tháng năm 1990**

**CƠ QUẢN CHỈ TRỊ**

**Chỉ tịch Hội đồng**

**CƠ QUẢN CHỈ TRỊ**



*[Handwritten signature]*  
**Phùng Văn Kiên**



*[Handwritten signature]*  
**Đương Minh Cường**

**TRUNG TÂM THÔNG TIN - TƯ LIỆU**  
**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

**KHO LƯU TRỮ**  
**CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU**

**CƠ CHẾ TRUYỀN TIẾP NGOẠI THƯƠNG  
CỦA CÁC TỔ CHỨC KINH DOANH VẬT TƯ**

**KỖ ĐÀM**

Đề tài này là một bộ phận thuộc chương trình ĐỐI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ VẬT TƯ... do Bộ Vật tư giao cho Viện Khoa học kỹ thuật và kinh tế vật tư nghiên cứu, chủ biên.

Vật tư cách là một trong nhiều đề tài của chương trình, đề tài này chỉ đi sâu vào vấn đề trình bày sự cần thiết phải chuyển các tổ chức kinh doanh vật tư sang trực tiếp ngoại thương và một số nội dung cơ bản của cơ chế trực tiếp ngoại thương. Đối với các vấn đề thuộc các cơ chế khác, đề tài này chỉ dừng lại ở chỗ nêu lên những nét lớn có liên quan.

Từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI, nhiều quan điểm, tư tưởng của Đại hội về kinh tế đối ngoại nói chung và ngoại thương nói riêng đã được Nhà nước thể chế hóa bằng các văn bản pháp quy, tạo các điều kiện và môi trường mở rộng hoạt động nhất nhất khấn với thị trường thế giới và đã tạo ra những động lực mới cho nền kinh tế.

Ngành vật tư, từ khi có Quyết định số 231-ĐBNT ngày 31-12-1987, đã từ một ngành chuyên cung ứng theo các chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Bộ Vật tư đã có tờ trình xin Nhà nước giao quyền trực tiếp ngoại thương cho 4 Tổng công ty ngành hàng theo Quyết định số 231-ĐBNT và Sơn tháng 10-1988. Nhà nước mới chính thức giao cho hai Tổng công ty Hàng dầu và Khí khí được làm nhiệm vụ này (còn hai Tổng công ty Thiết bị, phụ tùng và Hóa chất, vật liệu điện sẽ giải quyết sau). Cho đến nay, trước khi thành lập Bộ Thương nghiệp, Bộ Vật tư vẫn tiếp tục đề nghị Hội đồng Bộ trưởng giao cho hai Tổng công ty còn lại vẫn được trực tiếp ngoại thương.

Từ thực tiễn đó, mục tiêu của Bộ tài chỉ giới hạn và chúng giải những mặt của thiết phải chuyển các tổ chức kinh doanh vật tư chuyển ngành sang trực tiếp ngoại thương và liên nghị với Nhà nước các điều kiện cụ thể để các tổ chức đó có thể hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ được Nhà nước giao: quản lý và kinh doanh vật tư, thúc đẩy sản xuất hàng hóa trong nước phát triển theo đúng định hướng Nhà nước, hòa nhập với thị trường thế giới.

## ĐỀ AN

### THỰC TRẠNG NHẬP VẬT TƯ CỦA VIỆT NAM

#### I. Thực trạng trước giai đoạn 1976-1985

Trước năm 1975, miền Bắc với tiến hình này định cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, với làm nhiệm vụ hậu phương đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, lại phải trực tiếp đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại của Đế quốc Mỹ ở miền Bắc nên về mặt kinh tế phần lớn các cơ sở công nghiệp, giao thông bị đánh phá nghiêm trọng, đồng thời một phần không nhỏ khác lại bị chặn đối với. Nhiều công trình xây dựng dở dang. Tình trạng sản xuất nhỏ và nhỏ, lại phân tán, lạc hậu là phổ biến, năng suất lao động thấp, chất lượng của phẩm kém, hiệu quả kinh tế thấp.

Sau năm 1975, với cơ sở vật chất - kỹ thuật thấp kém của miền Bắc, lại cộng thêm nhiều nhu cầu vật tư, thiết bị của miền Nam vẫn được đáp ứng bằng nguồn của các nước tư bản nên cơ sở nguồn nhập của các nước xã hội chủ nghĩa dù rất to lớn song vẫn không thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu cho sản xuất trong cả nước. Trong khi đó, Đế quốc Mỹ lại lợi hại, không cho đồng minh áp dụng chính sách của vận đối với Việt Nam. Trước tình hình đó, chúng ta đã dựa hẳn vào Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa để giải quyết những khó khăn về vật tư và bằng nhiều con đường khác nhau nhà nước cho phép các cơ sở, địa phương tự giải quyết lấy vật tư cho sản xuất.

Cơ cấu nguồn vật tư nhập khẩu của chúng ta từ trước đến nay lại được hình thành theo kế hoạch của Nhà nước và dựa vào sự giúp đỡ của bạn bè, vào viện trợ. Cơ cấu đó không thay đổi nhiều như của chúng ta cũng như những đại hội khác của xã hội.

Các tổ chức thương nghiệp vật tư chuyên ngành - với chức năng làm cầu nối giữa cung (nước bên hàng) với cầu (nước ta) - trong thực tế lại phải qua một khâu trung gian nữa là các tổ chức ngoại thương mới với được nguồn hàng, đã gây ra nhiều lần trở ngại việc khớp giữa cung với cầu.

Với tình trạng một nước mà hàng nhập khẩu như nước ta (như đã trình bày ở trên), lại với sự cách biệt giữa cung và cầu, nên trong quá trình đàm phán mua hàng với nước ngoài, nhiều một hàng bị cắt giảm một cách không có căn cứ, gây rất nhiều khó khăn cho sản xuất. Vì bị thiếu vật tư, nên làm phải tình trạng cơ cấu vật tư nhập khẩu về không đồng bộ, các cơ sở sản xuất trong nước luôn luôn ở trong trạng thái căng thẳng về vật tư.

Thực trạng chính ra tình trạng trên đã nảy ra từ ngay những năm 60 (những năm mà ta còn được nhiều ưu ái về nhập hàng của nước ngoài), song vì mới là nhu cầu của một nhà nước, cơ cấu nhu cầu qua nhiều năm đã phụ thuộc vào thực trạng cơ cấu nguồn, nên chưa hề lộ hết những nhược điểm thiếu sót của nó như trong giai đoạn 1976-1985.

Trong tổng nguồn vật tư nhập khẩu, phần vật tư nhập của Liên Xô chiếm tỷ trọng tới trên 90% và là được mua theo phương thức 1/1 (nghĩa là mua 1 thì được nhập 1); 10% còn lại là của các nước xã hội chủ nghĩa khác và mua theo phương thức 1/1. Có thể nêu lên sau đây vài thí dụ:

- Hàng đầu nhập 100% của Liên Xô

Kim khí	81,2%
Ô tô vận tải	90,9%
Than bùn	68%

- Giá trị nhập khẩu với Liên Xô:

. 5 năm 1976-1980 là 1.713,3 triệu rúp

- . 5 năm 1961-1965 là 4.613 triệu rúp.
  - Giá trị xuất khẩu cho Liên xô:
    - . 5 năm 1976-1980 là 690,8 triệu rúp
    - . 5 năm 1981-1985 là 1.149,3 triệu rúp
- (xin xem phụ lục 1).

Công tác nhập khẩu vật tư trong giai đoạn 1975-1985 tuy có nhiều cố gắng trong việc bảo đảm vật tư cho sản xuất, song cũng còn bộc lộ một số mặt nhược điểm sau đây:

1. Công tác nhập khẩu vật tư trong (Ngại định thu) được xác định thiếu cân nhắc vào nhu cầu thực tiễn mà là vào sự tính toán chủ quan của cơ quan lập kế hoạch và vào sự "chiếu cố" của nước bán hàng, do đó bản thân chính nó đã không đáp ứng được các mục tiêu kinh tế - xã hội trong nước, dẫn đến tình trạng cơ cấu nguồn không khớp với nhu cầu, và nảy ra thiếu và gây ra thừa vật tư.

2. Cơ sở sản xuất x' bị tách khỏi nguồn (cung) rất lớn, nên có được vật tư phải qua rất nhiều khâu trung gian, do đó là vật tư nhả trong chỉ tiêu pháp lệnh.

3. Không có ai chịu trách nhiệm vật chất cụ thể đối với việc thiếu vật tư cho sản xuất, mà tập trung vào cơ chế quản lý, điều hành nền kinh tế tập trung phải tập trung quan liêu của quyền lực cấp cũng khó có thể tìm ra ai phải là người chịu trách nhiệm. Các tổ chức ngoại thương, các tổ chức cung ứng vật tư về thực chất cũng chỉ là những người thừa hành theo lệnh của Nhà nước trong việc nhập khẩu và cung ứng vật tư. Nếu quả của nó đã dẫn đến sự khủng hoảng về kinh tế.

**II. ĐIỂM MẠNH TRONG GIAI ĐOẠN 1981-1985**

Hội nghị Đảng lần thứ VI đã phân tích, phê phán nhận ra những sai lầm về đường lối và điều hành kinh tế, nêu lên nhiệm vụ quan trọng mới về đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, về tổ chức, cán bộ, phương cách quản lý nền việc,

về quản lý vĩ mô và vi mô, trong đó có vấn đề quan trọng là đổi mới cơ chế quản lý đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh hàng xuất nhập khẩu. Vấn đề cơ bản là hoạt động xuất nhập khẩu phải chuyển sang hạch toán kinh doanh và hội đồng quản trị, dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước. Các quan chức đối với các hãng phải hợp với quy luật kinh tế thị trường - quy luật của nền sản xuất hàng hóa và là động lực để khai thác các tiềm năng kinh tế của đất nước. Tuy nhiên, các quan chức mới này cũng cần phải có thời gian để thể chế hóa bằng luật pháp Nhà nước và các chính sách kinh tế cụ thể.

Hội nghị hàng lần thứ VI (1986) cho đến cuối năm 1987 mới có Quyết định số 231-ĐHQĐ của Hội đồng Bộ trưởng về vấn đề này (chuyển ngành vật tư sang hạch toán kinh doanh và trực tiếp ngoại thương) và đến cuối năm 1988 Hội đồng Bộ trưởng mới cho phép 2 Tổng công ty 4 Tổng công ty của Bộ Vật tư được trực tiếp ngoại thương (tức là được trực tiếp nhập khẩu, trực tiếp cấp ứng như các trung gian). Nhưng quyền chủ động về kinh doanh và tự chủ tài chính về mặt cơ chế chưa được tháo gỡ trọn vẹn.

Hội nghị kinh tế (1986-1990) và toàn thể hàng hóa và thanh toán giữa nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa và thực chất vẫn mang nặng tính chất của cơ chế cũ, vì vậy các Hội nghị kinh tế 1986, 1987, 1988 vẫn bị vấp hãm bởi Hội nghị kinh tế 5 năm 1986-1990. Muốn ta vẫn phải nhập khẩu lớn trong khi xuất khẩu bị lỗ vắn. Các tổ chức ngoại thương vẫn là đơn vị tiếp nhận quỹ vật tư tập trung của Nhà nước (phụ lục 2).

Tuy nhiên, việc Hội đồng Bộ trưởng giao cho 2 Tổng công ty của Bộ Vật tư được quyền trực tiếp ngoại thương từ 1-1-1989 cũng đã mang lại được những hiệu quả kinh tế nhất định:

- 1) Trong quá trình tìm kiếm mua hàng với nước ngoài trong khuôn khổ Hội nghị kinh tế, hai Tổng công ty đã:
  - Mở hết nhiều quy cũ và trung gian không có của các hợp pháp của các trung gian của địa phương (Tổng công ty Kim

khí đã điều chỉnh được 1 vạn tấn thép hình, tấn dẹt, thép ống với Liên xô và CHSB Đức);

- Ký hợp đồng mua bán mọi năm và nhiều hơn những năm trước đó (chỉ trong 6 tháng đầu năm 1989 đã ký được 90% đơn hàng trong khi các năm trước chỉ ký được 50%).

2) Các Tổng công ty vật tư do phải trực tiếp đương đầu với cơ chế thị trường, trực tiếp chịu trách nhiệm với khách hàng trong nước, nên đã chủ ý chuyển dần việc điều tra nhu cầu, điều tra cơ cấu nguồn nhập khẩu có thể có được, lấy đó làm căn cứ để thông tin, tác động đến cơ cấu sản xuất trong nước, do đó phần nào đã trở thành cái cựa mới thay sự giám sát và can thiệp.

3) Do là người trực tiếp mua bán trên thị trường, lập đơn hàng đặt hàng với nước ngoài, nên việc tìm kiếm mua hàng với nước ngoài được tiến hành một cách có chủ đích hơn và mua đúng hơn; việc cắt giảm, thay thế chủng loại, quy cách hoặc tăng giảm số lượng được quyết định ngay tại chỗ và có chủ đích hơn trước rất nhiều, làm cho cơ cấu nguồn nhập xích lại cơ cấu nhu cầu, đồng thời cũng từ cơ cấu nguồn nhập thực tế mà có sự tác động kịp thời, làm cho các đơn vị sản xuất hiểu rõ được nguồn, chủ động lập kế hoạch sản xuất sát với khả năng thực tiễn.

4) Do là người trực tiếp mua hàng, nên khi hàng về, mọi thủ tục tiếp nhận được diễn ra mua đúng hơn trước và Tổng công ty có thể lập được kế hoạch điều hành hợp lý từ nước ngoài đến nơi tiếp nhận và đến các điểm bán hàng hoặc đến vị trí sử dụng (khách hàng), đáp ứng kịp thời các nhu cầu của sản xuất. Thời gian lưu tồn bình quân năm 1988 là 4,7 ngày/tấn, sang năm 1989 còn 3,44 ngày/tấn. Thời gian thanh toán tiền nhanh gọn hơn trước (Tổng công ty Kim loại đã thanh toán 219/234 tấn, đạt 90% tổng số tiền giao hàng). Lượng hàng tồn công (khối lượng) xuống mức thấp hơn so với các năm trước (cuối năm 1989 tồn kho kim loại tại công là 4.000 tấn). Tổng công ty Hàng đầu đã xử lý được việc chuyển đổi đơn vị đo lường thanh toán cho Liên xô, Liên xô đã bỏ vào phần khối lượng giao CIF thành ngoại tệ để mua

ở thị trường hàng hóa Á gần hơn.

Chỉ với những kết quả bước đầu trong hoạt động như vậy, Tổng công ty Hàng hóa đã làm lợi cho Nhà nước được 20 tỷ đồng, Tổng công ty Kim khí ngoài việc loại trừ khối đơn hàng 1 vạn tấn kim khí trong nước còn tìm kiếm thêm, còn đối tài thường được 57 vụ giao hàng thiếu, trị giá 198.149 rúp.

Việc giải quyết mua và bán, thị trường trong nước và nước ngoài do các Tổng công ty ngành hàng đảm nhiệm rõ ràng để đơn lợi hiện quả kinh tế cho đất nước.

5) Để được thanh toán hiện của Liên niên giữa các Tổng công ty ngành hàng và Tổng công ty ngoại thương chiếm dụng vốn luân chuyển hàng hóa là những thiệt hại do giao thiếu hàng hoặc hàng không bảo đảm chất lượng. (Trước đây, khi tìm vấp vãng, báo lỗ hàng hóa tiên giao cho Tổng công ty ngành hàng thì các tổ chức ngoại thương đã đòi tiền bù lỗ hàng theo giấy báo, gọi tiền thiếu, không bảo đảm chất lượng sẽ được giải quyết mua với nhiều thủ tục rườm rà.)

Đay nhiên, do nhiều cơ chế chưa được hoàn chỉnh đồng bộ, nên các Tổng công ty ngành hàng vẫn gặp phải một số khó khăn:

1) Việc mua vật tư của nước ngoài vẫn bị phụ thuộc trong nghị định thư với nhiều hạn chế dẫn tới chúng loại cơ chế, nên vẫn bị hạn chế trong việc tạo ra cho được một cơ cấu nguồn hợp lý nhất.

2) Trong 6 tháng đầu năm 1989, Nhà nước vẫn duy trì việc phân phối vật tư theo chỉ tiêu pháp lệnh cho Tổng địa chỉ, nên nhiều cơ sở sản xuất tuy có chỉ tiêu phân phối vật tư, song hoặc vì không có vốn của, hoặc vì thiếu lý do chủ quan, khách quan khác (dinh trợ sản xuất, bị cạnh tranh, chất thay đổi kỹ thuật hàng sản xuất, thiếu vốn v.v..) không sản xuất hàng. Cơ chế thị trường tuy đã mở ra,



nhưng cơ chế cũ vẫn còn tồn tại, khiến cho Tổng công ty gặp phải nhiều lúng túng trong việc tiêu thụ hàng, gây khó khăn về vốn.

3) Trong khi Hội đồng Bộ trưởng cho phép hai Tổng công ty của Bộ Vật tư được trực tiếp ngoại thương thì trước đó đã có nhiều tổ chức của các ngành, các địa phương đã được trực tiếp ngoại thương. Do có nhiều tổ chức xuất nhập khẩu ở nhiều cấp khác nhau, lại chưa được quy hoạch theo ngành, theo vùng, việc cấp quota làm chưa được tốt, nên đã xảy ra tình trạng tranh mua, tranh mua trên thị trường trong nước và quốc tế, làm hại cho nền kinh tế.

Hiện nay đã có trên 100 đơn vị hoạt động xuất nhập khẩu thuộc các Bộ, Tổng cục và thuộc các địa phương, trong đó nguồn xuất nhập khẩu tập trung vẫn là chủ yếu, phần lớn ngoài xuất nhập khẩu của các địa phương chỉ chiếm 10 đến 15% tổng số (tuy vậy nhưng lại rất năng động). Việc xuất nhập nhiều tổ chức xuất nhập khẩu tuy có gây khó khăn cho các Tổng công ty trong bước đầu chuyển sang hạch toán kinh doanh (vì làm hại cho nền kinh tế vì thiếu sự quản lý có hiệu quả của Nhà nước), nhưng cũng tạo ra yêu tố cạnh tranh, kích thích các Tổng công ty phải năng động nhiều hơn nữa, ra sức tìm kiếm thị trường trong nước và ngoài nước, nâng cao chất lượng nội mọt hoạt động của mình, vì nếu không sẽ không thể tồn tại được.

Một số tổ chức ngoại thương khi thấy nhu cầu hàng thiếu về một số loại vật tư, giá cả tăng vọt đã tranh thủ xin quota nhập khẩu để kiếm chênh lệch giá, nhưng bị tác động ngược lại, có nhiều người bán, ít người mua, vốn bị đọng phải hạ giá, làm cho giá vật tư ở thị trường nhiều loại rẻ hơn giá Nhà nước quy định cho Tổng công ty (như HAT giá quy định là 6) triệu, thị trường chỉ bán với giá 3) triệu; thép tròn cỡ 6 mm giá quy định là 1.200 đ/kg, giá thị trường chỉ có 870-900 đ/kg...). Trước tình hình đó, các Tổng công ty đã tranh thủ mua hàng vào để làm cơ sở nguồn dự trữ cho Nhà nước, đồng thời vẫn phải giữ giá Nhà nước để không ảnh hưởng thị trường và làm nghĩa vụ nộp đủ ngân

việc Nhà nước theo tỷ giá quy định. Do Nhà nước chưa kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu đã làm cho các Tổng công ty ngành hàng dệt nhện khổ khăn trong hoạt động kinh doanh.

4) Quyền chủ động về hoạt toán kinh doanh, tự chủ tài chính tuy đã được công bố, song chưa được thể chế hóa cụ thể (cơ chế sở hữu vốn, mua bán ngoại tệ, thanh toán bằng nhập khẩu...) nên chưa tạo được đủ điều kiện để các Tổng công ty ngành hàng chuyển hẳn sang kinh doanh chịu trách nhiệm đầy đủ trước Nhà nước.

5) Việc mua bán ngoại tệ vẫn chưa có được những biện pháp kinh tế thích hợp để khuyến khích người có ngoại tệ bán cho ngân hàng ngoại thương.

Đồng thời, vẫn chưa có những biện pháp thích hợp để cho những người có ngoại tệ gửi ngân hàng có thể tùy ý, tùy lúc sử dụng đồng tiền cho những hoạt động kinh doanh của mình.

6) Trong một tương lai không xa, việc mua và bán hàng giữa các nước sẽ hội chủ nghĩa sẽ được tiến hành theo sát với giá thị trường thế giới và dùng các đồng tiền tự do thanh toán, nơi việc mua bán sẽ được bình đẳng, cũng có lợi. Đối với nước ta, một nước kinh tế còn kém phát triển, hàng xuất khẩu chưa đủ lớn, chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới, thì đó là một khó khăn đáng kể, phải nghiên cứu giải quyết ngay trong chiến lược xuất nhập khẩu.

7) Hiện nay, Nhà nước vẫn chưa có một quy định chính thức nào về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, phương thức hoạt động đối với các Tổng công ty chuyên doanh xuất nhập khẩu ngành hàng (như hai Tổng công ty Hàng Dệt và Lụa Khăn) nên các Tổng công ty cũng có nhiều khó khăn trong hoạt động và định ra phương hướng phát triển của mình.

8) Do trước đây Nhà nước đã phân cấp, phân giao cơ